TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Minh Tuấn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Tô Thị H, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 13 khóm S, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

- Bà Vương Tú N, sinh năm 1977 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Nhà không số khóm S, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người phiên dịch tiếng Hoa: Bà Hứa Tú Mai – Giáo viên trường Trung học cơ sở Châu Văn Đơ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2018 (BL 01), Biên bản lấy lời khai (BL20) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Tô Thị H trình bày:

Vào ngày 28/02/2017(al) nhằm ngày 25/3/2017(dl), bà H có cho bà Vương Tú N vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất 1.800.000 đồng/tháng, thời hạn thanh toán là vào ngày 25/12/2017. Lúc vay, bà H chỉ ghi vào sổ để theo dõi mà không cho bà N ký giấy nhận nợ. Sau khi vay, bà N chưa trả vốn mà chỉ trả cho bà H được 8 tháng tiền lãi là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng). Đến tháng 10/2017(al), bà N ngưng không trả lãi nữa đến nay.

Đến cuối năm 2017, bà H tiếp tục cho bà Nga vay 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), số tiền vay này là do bà N khó khăn nên xin bà H cho vay tạm, không tính lãi và sẽ thanh toán ngay trước Tết Nguyên đán, nhưng bà N cũng không thực hiện.

Ngoài ra, ngày 05/9/2017, bà N làm chủ hụi, dây hụi 32 chân, bà H có tham gia 3 chân hụi tuần, đã đóng đủ số hụi và sẽ được hốt hụi là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Tuy nhiên, đến ngày hốt hụi thì bà N tự ý lấy số tiền này và khi bà H đòi thì bà N nói mượn tạm khi nào có sẽ trả.

Tất cả các khoản vay, hụi chỉ có bà N trực tiếp ra mặt giao dịch nhưng bà N vay tiền của bà H để chi xài trong gia đình, phục vụ cho việc nuôi tôm của cả hai vợ chồng bà N - ông Nguyễn Ngọc H và bà N có cho chồng mình là ông H biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 (BL 20), và Biên bản hòa giải ngày 17/7/2018 (BL 54, 55), bà H trình bày, đối với khoản vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) bà N có trả lãi cho bà H được 8 tháng là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), bà H không tính lãi nữa mà đồng ý trừ số tiền đã trả nêu trên vào tiền gốc mà bà N vay nên bà H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà N và ông H thanh toán cho bà số tiền còn nợ là 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Nay bà H yêu cầu bà N và chồng là ông H thanh toán cho bà H toàn bộ số tiền nợ nêu trên và không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao chứng minh nhân dân của bà Tô Thị H, bản sao sổ hộ khẩu của bà Tô Thị H, Đơn xác nhận về việc chưa được cấp số nhà, bản chính "Tờ nhận nợ" đề ngày 25/3/2018 được viết trên hai mặt giấy tập (04 ô ly) có chữ ký của bà N.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 (BL 28), Biên bản hòa giải ngày 17/7/2018 (BL 54, 55) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Vương Tú N trình bày: Đúng là vào ngày 28/02/2017(al) nhằm ngày 25/3/2017(dl) bà N có vay của bà Tô Thị H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất 1.800.000 đồng/tháng, không có làm giấy tờ. Từ khi vay đến nay, bà N chưa trả vốn lần nào nhưng có trả lãi cho bà H được 8 tháng là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Đến cuối năm 2017, bà N tiếp tục vay của bà H 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), số tiền vay này là bà H cho vay tạm, không tính lãi và sẽ thanh toán ngay trước Tết Nguyên đán, nhưng bà N vẫn chưa thanh toán số tiền này.

Ngoài ra, ngày 05/9/2017, bà N làm chủ hụi, dây hụi 32 chân, bà H có tham gia 3 chân hụi tuần và bà H đã đóng đủ và hốt hụi được 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Tuy nhiên, lúc này do kẹt tiền chi xài nên bà N có hỏi bà H cho bà N vay tạm, khi nào có sẽ trả và bà H cũng đồng ý cho bà N vay số tiền này. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến thời điểm hiện nay thì bà N cũng không có tiền để trả cho bà H.

Các khoản tiền vay của bà H, chỉ một mình bà N trực tiếp đứng ra vay mượn nhưng chồng bà N là ông Nguyễn Ngọc H biết vì bà N có nói cho ông H biết, số tiền này đều do hai vợ chồng bà N sử dụng nuôi tôm và chi xài trong gia đình. Trước thời điểm bà H khởi kiện ra Tòa án thì bà H có qua nhà gặp vợ chồng bà N để yêu cầu trả các khoản nợ. Tuy nhiên, do nuôi tôm thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho bà H, do đó chồng của bà N là ông H có yêu cầu bà H cho vợ chồng bà N, ông H trả dần, mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Hiện nay, bà H trừ số tiền lãi bà N đóng là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) vô số vốn là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bà N ghi nhận và xác nhận tổng số nợ hiện nay còn lại là 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Nhưng do hiện nay hoàn cảnh bà N khó khăn nên không có khả năng trả nợ, do đó xin bà H gia hạn cho trả dần, mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bà N đồng ý với tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Đối với bị đơn Nguyễn Ngọc H: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông H không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến

và nguyện vọng của mình. Đồng thời, ông H cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/5/2018, ngày 17/7/2018. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho ông H và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 23/8/2018, bị đơn H vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn bà N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H theo quy định của pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản". Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Vương Tú N và ông Nguyễn Ngọc H phải trả nguyên đơn số tiền là 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Thị H khởi kiện, yêu cầu bà Vương Tú N và ông Nguyễn Ngọc H trả nợ vay và nợ hụi.

Đối với các khoản nợ vay giữa nguyên đơn Tô Thị H và bị đơn Vương Tú N, xác định là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi.

Riêng đối với yêu cầu về khoản tiền nợ hụi là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Thực tế cho thấy, việc chơi hụi giữa nguyên đơn và bị đơn đã kết thúc, số tiền này là khoản tiền của bà H nhưng do bà N hỏi vay tạm, khi nào có sẽ thanh toán và được bà H đồng ý. Do đó, xác định lại quan hệ tranh chấp đối với số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 469 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N và ông H thanh toán khoản tiền là 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Việc thay đổi này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi của nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải không thành ngày 17/7/2018 (BL 54,55), lời thừa nhận của bà Nga tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 (BL28) thì việc giao dịch của nguyên đơn Tô Thị H và bị đơn Vương Tú N diễn ra như sau:

Đối với các khoản vay ngày 25/3/2017 và khoản vay cuối năm 2017, bà H có cho bà N vay hai lần với số tiền là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) là có thật. Trong quá trình vay, bà N có đóng lãi cho nguyên đơn số tiền là 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện trừ số tiền lãi này vào số vốn gốc đã vay của bà N nên nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bà N và ông H phải thanh toán số nợ còn lại là 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), không tính lãi đối với khoản vay này và bà N thống nhất đúng là số nợ nêu trên. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà H và bà N đã giao kết hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Riêng đối với yêu cầu về khoản tiền nợ hụi là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Trước đây, tại buổi lấy lời khai và phiên hòa giải của Tòa án thì bà H cho rằng dây hụi đã mãn, bà đã đóng đủ hụi nhưng đến khi hốt hụi thì bà N tự ý hốt hụi và có hỏi mượn bà số tiền này nên bà đã đồng ý cho bà N mượn. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà H cho rằng bà đã đóng đủ hụi, đến ngày hốt thì bà N tự ý lấy số tiền này mà không báo với bà cho đến khi bà đòi thì bà N mới nói là mượn tạm khi nào có mới

trả. Thực tế cho thấy, việc chơi hụi giữa bà H và bà N đã kết thúc, bị đơn bà N đã lấy khoản tiền này và hỏi bà H cho vay tạm, khi nào có sẽ thanh toán nên bà H đồng ý. Khi bà N không thanh toán, bà H đã nhiều lần nhắc nhở và đến ngày 25/3/2018 (ngày bà N ký vào "Tờ nhận nợ"), bà H thấy bà N không trả các khoản tiền mới sang nhà bà N đòi nợ và cho bà N ký vào giấy nhận nợ, như vậy mặc nhiên bà H đã đồng ý cho bà N vay tạm số tiền này, nhưng do bà N không thanh toán nên bà H mới khởi kiện yêu cầu thanh toán. Do đó, xác định đây cũng là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà N và ông H thanh toán nhưng bà N và ông H chỉ hứa hẹn mà không trả nợ, việc này có nghĩa là bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước, bà N và ông H đề nghị chậm trả tiền nhưng bà H không đồng ý nên bà N và ông H có nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 469 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với số tiền 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng) là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi và hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi.

Bà Vương Tú N cho rằng việc vay mượn bà N chỉ thực hiện một mình và bà có nói lại với chồng bà là ông H. Đồng thời, bà N cũng trình bày số tiền vay này bà N sử dụng cho mục đích chi xài chung trong gia đình và phục vụ cho việc nuôi tôm của gia đình. Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Ngọc H tham gia tố tụng và có thông báo cho ông H các kết quả làm việc của Tòa án nhưng ông H không chấp hành và cũng không có ý kiến phản đối. Bà N và ông H là vợ chồng, cùng chung sống một nhà, cùng thực hiện các công việc gia đình với nhau. Cho nên, xét thấy, các khoản vay của bà N nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả các khoản nợ vay nêu trên cho bà H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, bà N và ông H phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà N và ông H phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể bà N và ông H phải liên đới chịu là 67.600.000đồng x 5% = 3.380.000đồng.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị H đối với bị đơn Vương Tú N và Nguyễn Ngọc H, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà N và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay là 67.600.000đ (sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, bà N và ông H phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Bà Vương Tú N và ông Nguyễn Ngọc H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.380.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Bà Tô Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000842 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; ông Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU